

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TNT

-----***-----

Số: 17/2026/CBTT-TNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

- Mã chứng khoán: TNT

- Địa chỉ: Tầng 1A, tòa nhà Star City, số 23 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: (84-4) 6251 0894

- Fax: (84-4) 6251 0895

- E-mail: tainguyen.tntgroup@gmail.com

- Website: <https://tnt-group.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Đính chính một số nội dung trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2026

Nội dung chi tiết: Tại Công văn số 0605/2026/CV-TNT ngày 06/05/2026 về việc đính chính bổ sung Báo cáo tài chính quý 1 kèm theo.

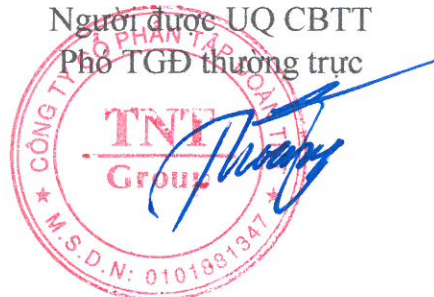
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/05/2026 tại đường dẫn: <https://tnt-group.vn/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Công văn số 0605/2626/CV/TNT ngày 06/05/2026
- Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất quý 1 năm 2026

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT
Người được UQ CBTT
Phó TGD thường trực



VŨ TUẤN HOÀNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TNT**

-----***-----

Số: 0605/2026/CV-TNT

(VV: Định chính Báo cáo tài chính quý
1 năm 2026)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***-----

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2026

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Ngày 29/04/2026, Công ty cổ phần tập đoàn TNT (mã chứng khoán TNT) đã thực hiện công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2026. Tuy nhiên sau khi rà soát lại công ty đã phát hiện một số sai sót cần được chỉnh sửa. Vì vậy Công ty xin được đính chính như sau:

1. Đính chính Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2026:

Đính chính thuyết minh các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Trang 15 cụ thể như sau:

- Nội dung trước đính chính:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Quản lý vốn và khai thác tài sản Thời cơ Việt Nam (4)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)
	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)

- Nội đính chính:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Quản lý vốn và khai thác tài sản Thời cơ Việt Nam (4)	30,000,000,000	20,222,663,093	(8,273,172,782)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)
	30,000,000,000	20,222,663,093	(8,273,172,782)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)

- Lý do đính chính: Do lỗi soạn thảo văn bản

2. Đính chính Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2026:

2.1 Đính chính mục đầu tư tài chính dài hạn tại chỉ tiêu 260 trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất trang 1 thể như sau:

- Nội dung trước khi đính chính:

260	V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	8.b	22,816,827,218	20,222,663,093
261	1. Đầu tư vào công ty con	261		1,090,000,000	-
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
263	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		30,000,000,000	30,000,000,000
264	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	264		(9,777,336,907)	(9,777,336,907)

- Nội dung đính chính:

260	V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	8.b	22,816,827,218	20,222,663,093
261	1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
263	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		31,090,000,000	30,000,000,000
264	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	264		(8,273,172,782)	(9,777,336,907)

- Lý do đính chính: Do lỗi soạn thảo văn bản

2.2 Đính chính thuyết minh các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại mục 8b Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Trang 17 cụ thể như sau:

- Nội dung trước khi đính chính:

b. Dài hạn	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		30,000,000,000	40,445,326,187	(9,777,336,907)	30,000,000,000	19,502,591,910(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)
Công ty CP Quản lý vốn và khai thác tài sản Thời cơ Việt Nam (2)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)

- Nội dung đính chính:

b. Dài hạn	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		31,090,000,000	22,816,827,218	(8,273,127,782)	30,000,000,000	20,222,663,093(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31,090,000,000	22,816,827,218	(8,273,127,782)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)
- Công ty CP Quản lý vốn và khai thác tài sản Thời cơ Việt Nam (2)	31,090,000,000	22,816,827,218	(8,273,127,782)	30,000,000,000	20,222,663,093	(9,777,336,907)

- Lý do đính chính:

Do lỗi soạn thảo văn bản


Trên đây là toàn bộ đính chính về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2026, Công ty xin đính kèm theo công văn này ***Bảng Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất quý 1 năm 2026 đã được đính chính***. Các nội dung khác tại Báo tài chính riêng và hợp nhất quý 1 năm 2026 đã công bố không thay đổi.

Công ty cổ phần tập đoàn TNT xin cam kết thông tin trên là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT
TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG MINH


TẬP ĐOÀN TNT
1881847

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		590,378,697,894	460,422,898,658
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	34,192,554,080	13,459,842,767
111	1. Tiền	111		34,192,554,080	13,459,842,767
112	2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8.a	155,301,502,786	108,607,446,234
121	1. Chứng khoán kinh doanh	121		169,060,838,245	133,725,182,459
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(13,759,335,459)	(25,117,736,225)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273,927,332,662	314,557,419,336
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	219,369,493,743	235,596,489,933
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	25,895,000,000	36,327,719,490
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	135	4.a	45,120,446,727	59,090,817,721
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(16,457,607,808)	(16,457,607,808)
137	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	140	5	116,429,252,319	20,513,441,850
141	1. Hàng tồn kho	141		116,429,252,319	20,513,441,850
150	V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
160	V. Tài sản ngắn hạn khác	160		10,528,056,047	3,284,748,471
161	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	161	9.a	140,882,786	43,082,901
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		10,253,260,003	3,109,974,534
163	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	11	133,913,258	131,691,036
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		326,523,004,500	372,426,937,938
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	210		300,051,000,000	300,051,000,000
215	1. Phải thu dài hạn khác	215	4.b	300,051,000,000	300,051,000,000
216	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
220	II. Tài sản cố định	220		3,645,832,511	1,242,063,853
221	1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	3,645,832,511	1,242,063,853
222	- Nguyên giá	222		5,138,982,727	2,617,130,000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,493,150,216)	(1,375,066,147)
227	2. Tài sản cố định vô hình	227	6	-	-
228	- Nguyên giá	228		47,365,000	47,365,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(47,365,000)	(47,365,000)
230	III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư	240		-	50,897,230,000
241	- Nguyên giá	241		-	50,897,230,000
250	IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
260	V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	8.b	22,816,827,218	20,222,663,093
261	1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
263	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		31,090,000,000	30,000,000,000
264	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	264		(8,273,172,782)	(9,777,336,907)
265	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
270	VI. Tài sản dài hạn khác	270		9,344,771	13,980,992
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		916,901,702,394	832,849,836,596

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	NỢ PHẢI TRẢ	300		254,695,641,484	188,230,875,720
310	I. Nợ ngắn hạn	310		252,601,516,480	187,710,875,720
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	98,306,041,004	81,545,432,638
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0	-	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	8,901,118,336	7,277,439,758
315	4. Phải trả người lao động	315		413,986,900	557,367,400
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	12	5,455,058,945	2,469,387,172
317	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
318	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
319	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		-	-
320	9. Phải trả ngắn hạn khác	320	13.a	25,366,829,524	25,255,659,316
321	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	14.a	114,158,481,771	70,605,589,436
322	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
330	II. Nợ dài hạn	330		2,094,125,004	520,000,000
338	1. Phải trả dài hạn khác	338	13.b	-	-
339	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	14.b	2,094,125,004	520,000,000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		662,206,060,910	644,618,960,876
410	I. Vốn chủ sở hữu	410	15	662,206,060,910	644,618,960,876
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510,000,000,000	510,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510,000,000,000	510,000,000,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,931,000,000	1,931,000,000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83,840,476,344	74,855,094,843
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		74,855,094,843	61,167,974,492.00
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8,985,381,501	13,687,120,351.00
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		66,434,584,566	57,832,866,033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		916,901,702,394	832,849,836,596

Người lập biểu


Đỗ Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng


Lê Thị Mơ

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2026

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh